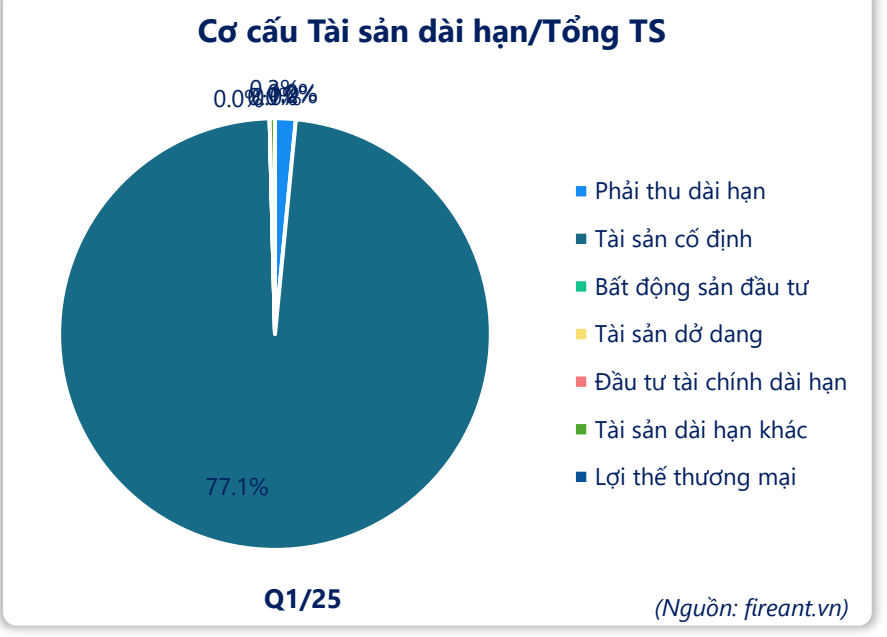
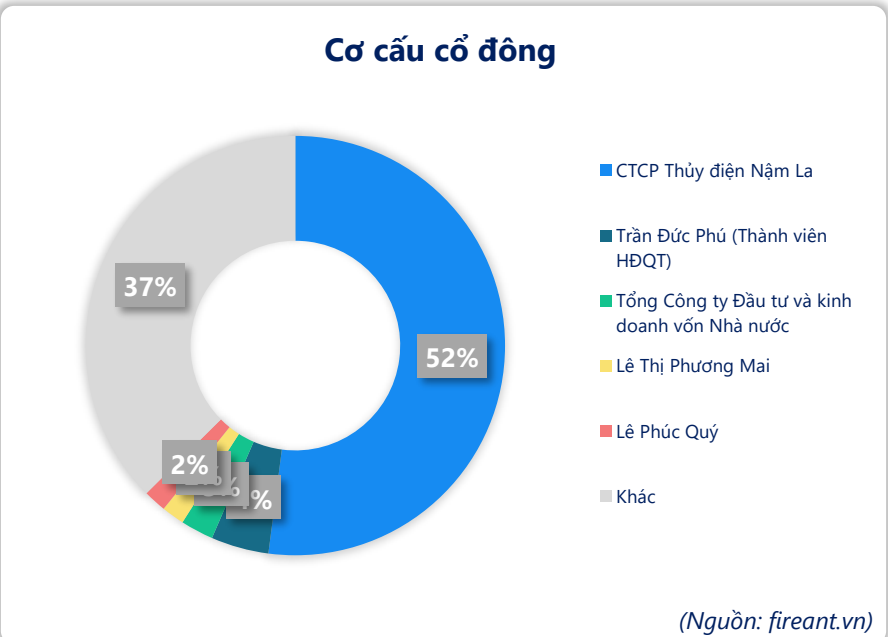
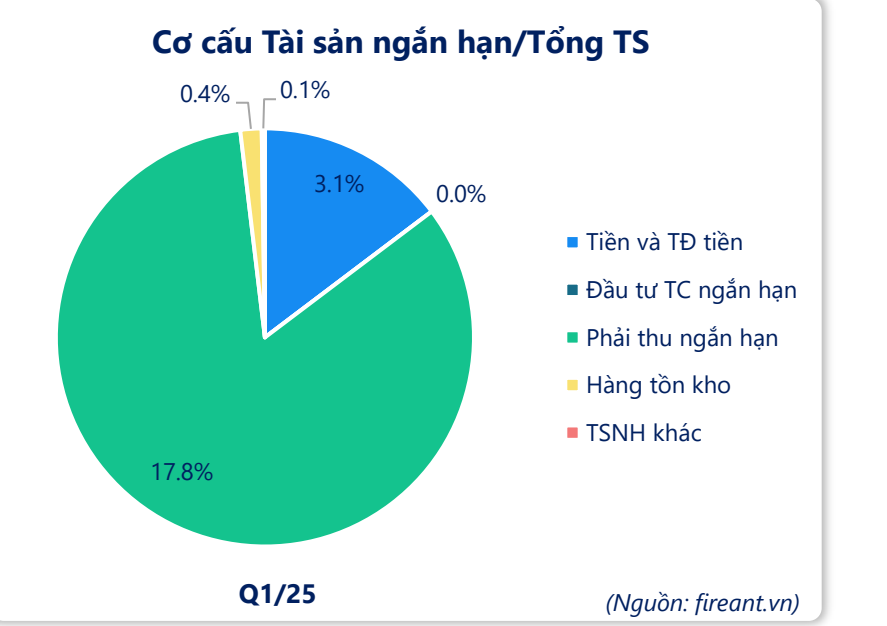
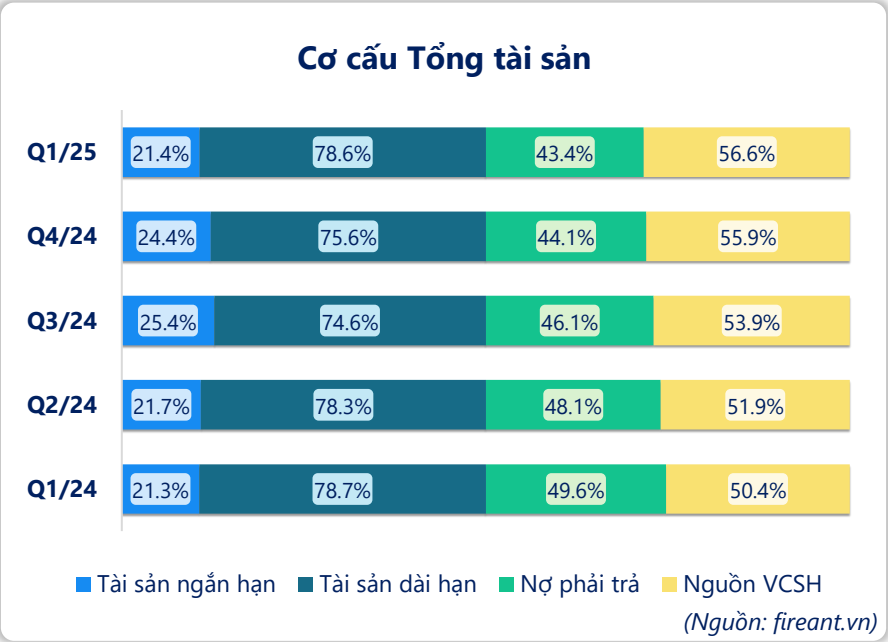
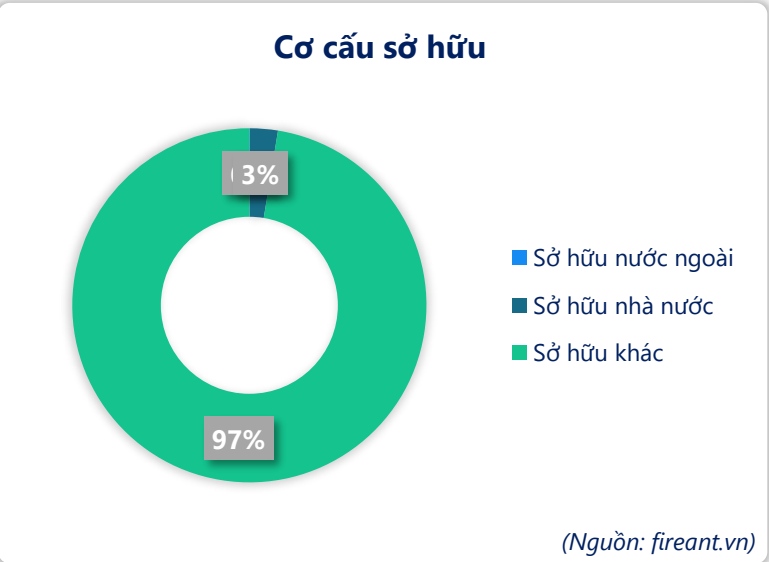
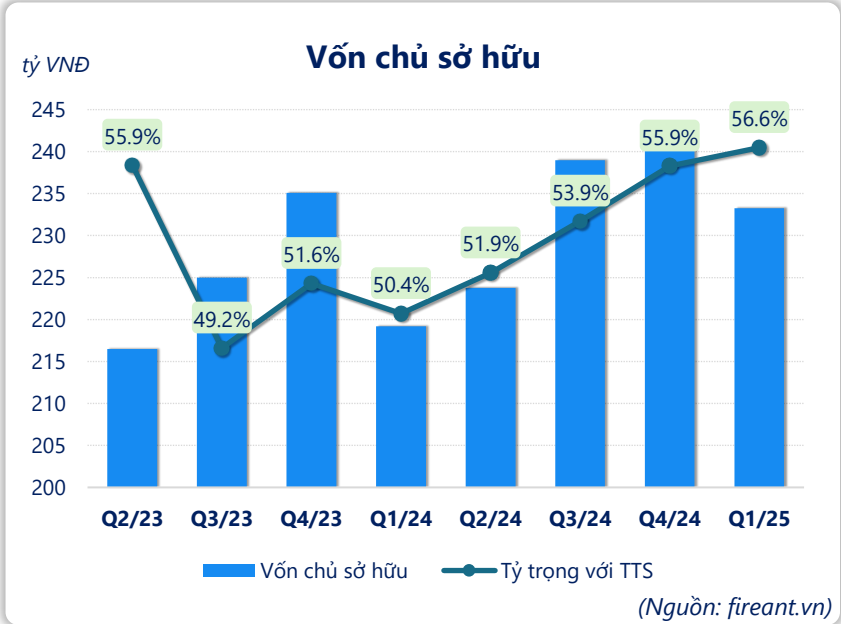
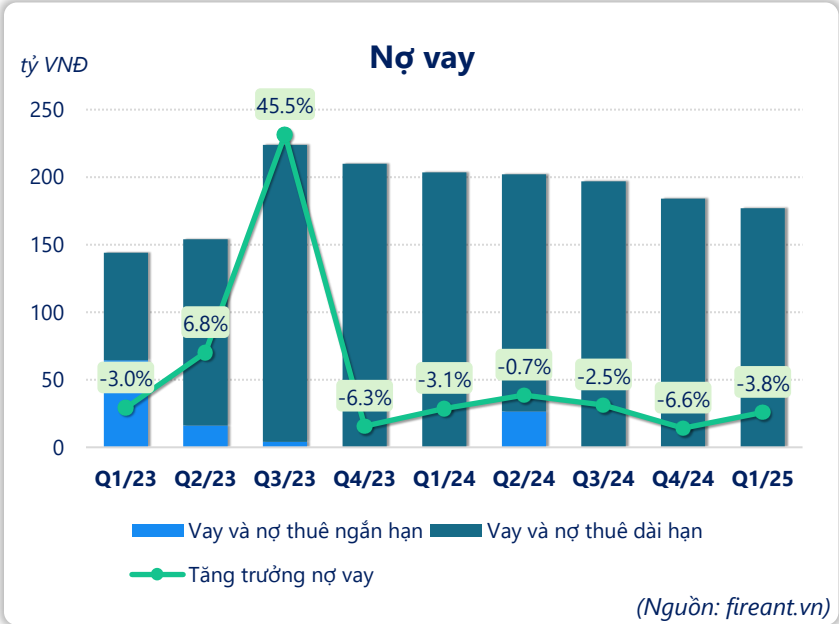
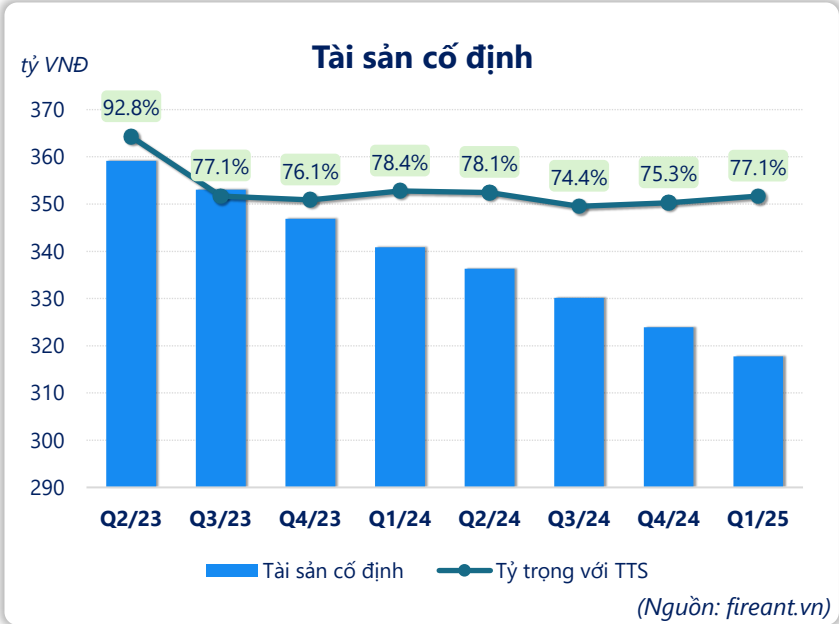
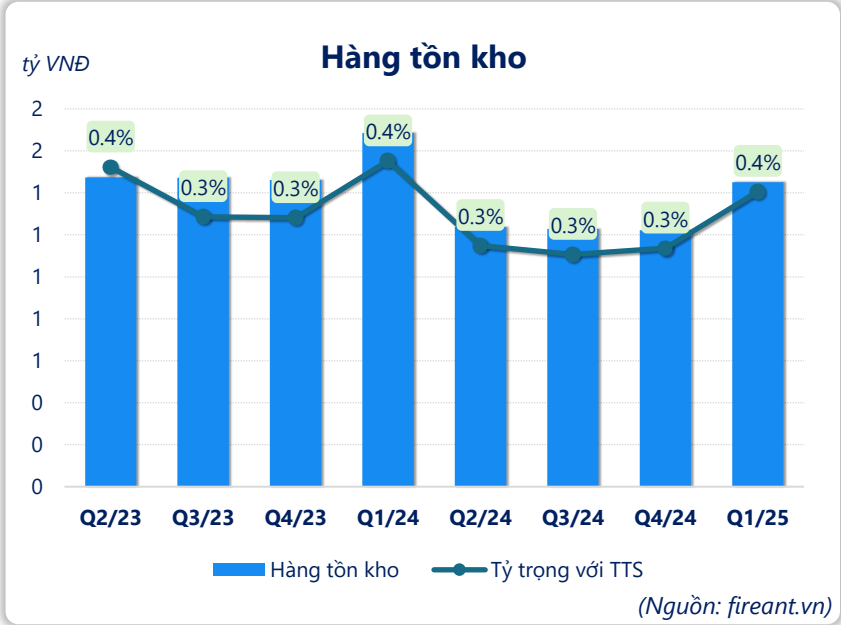
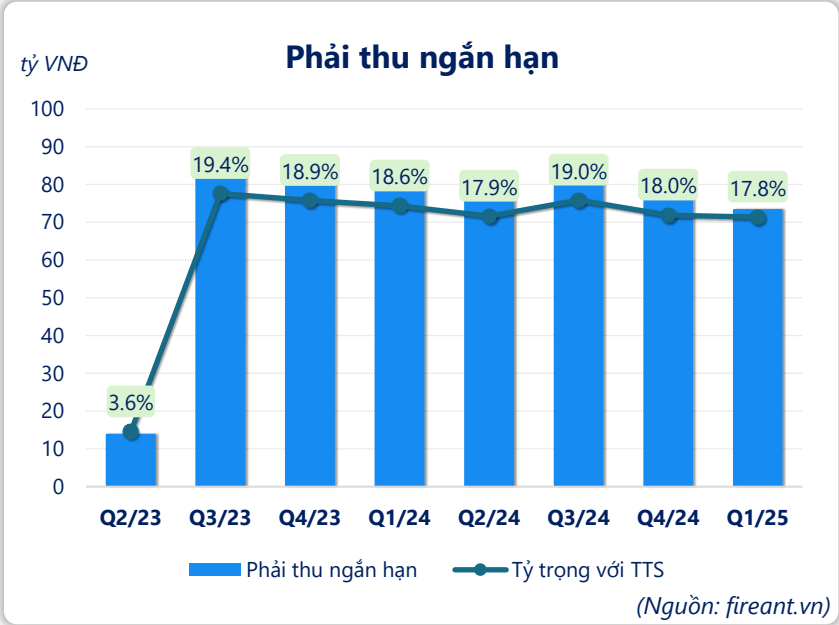
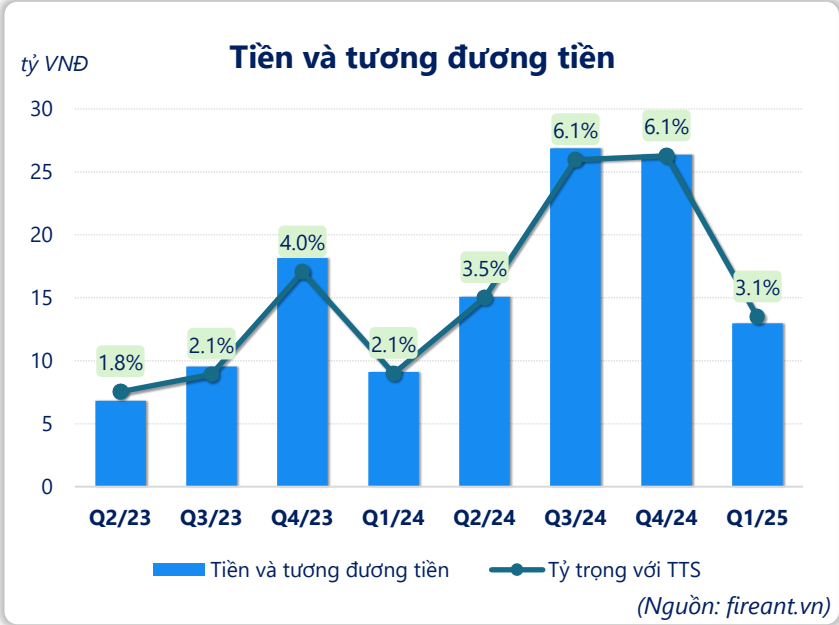
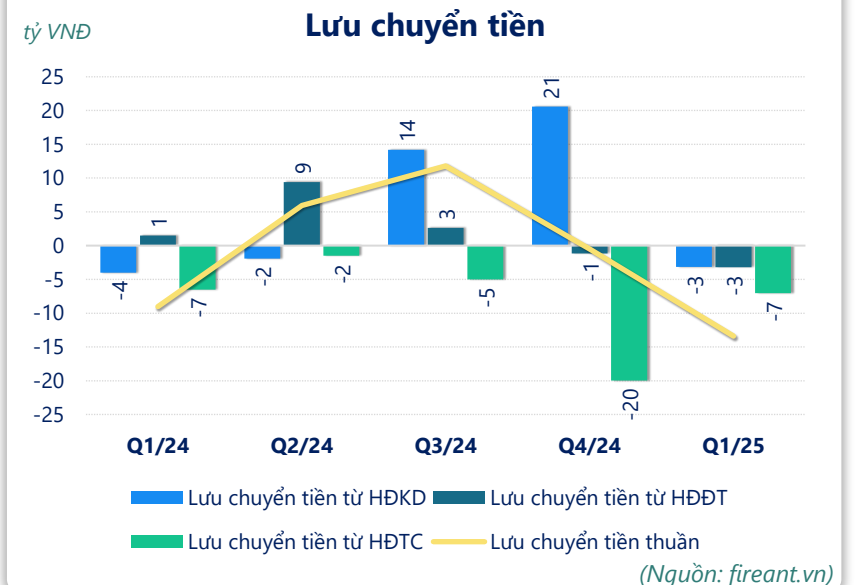
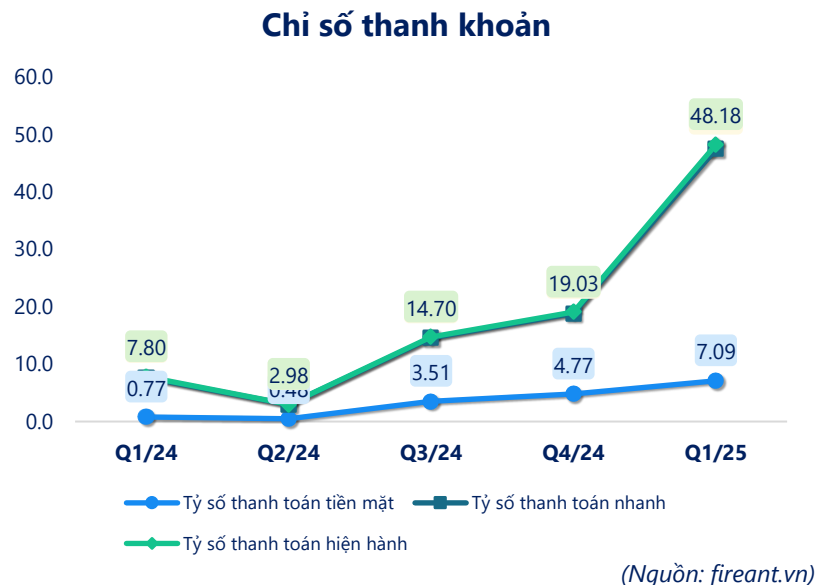
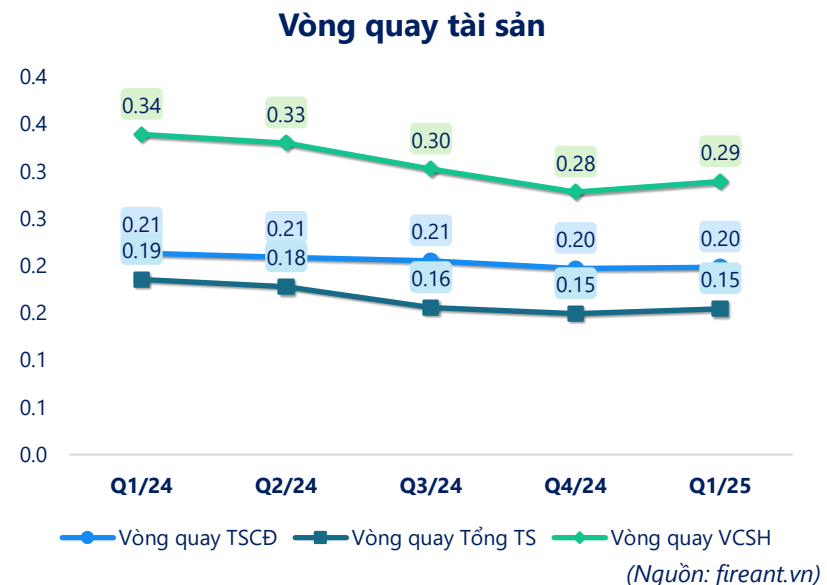
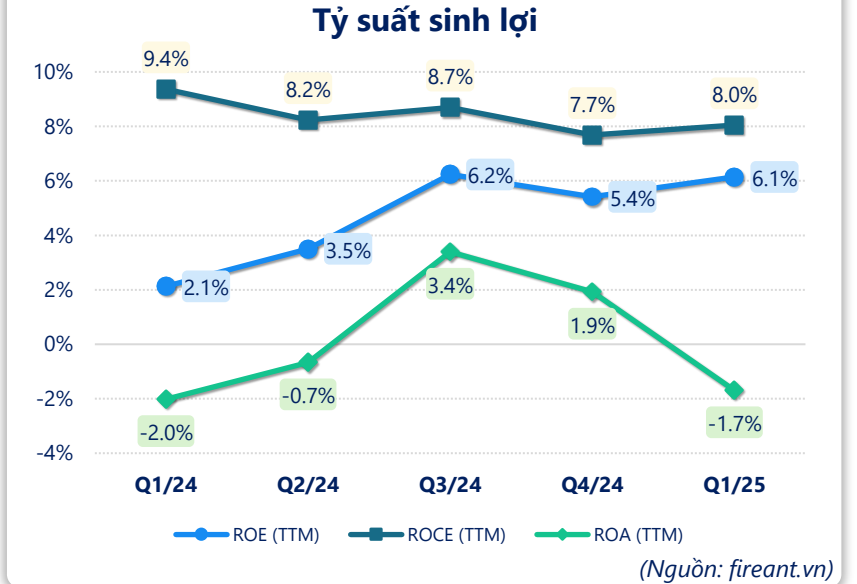
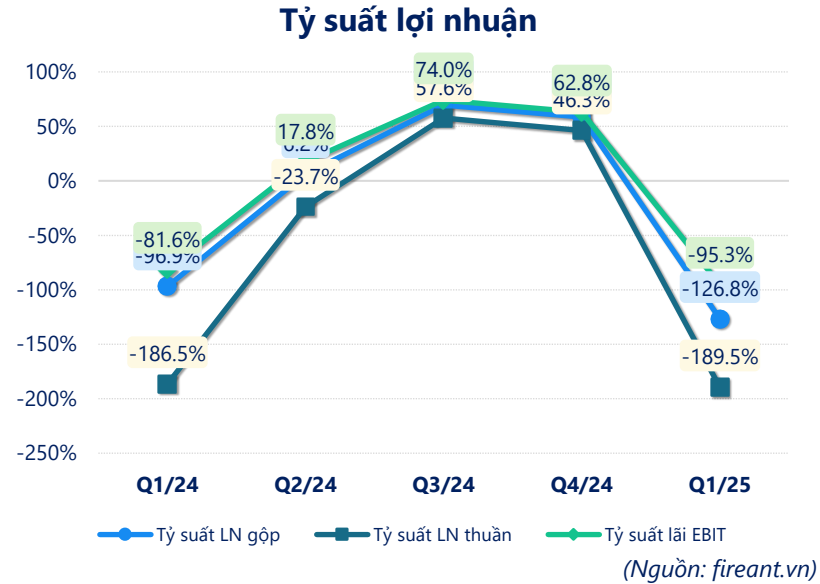
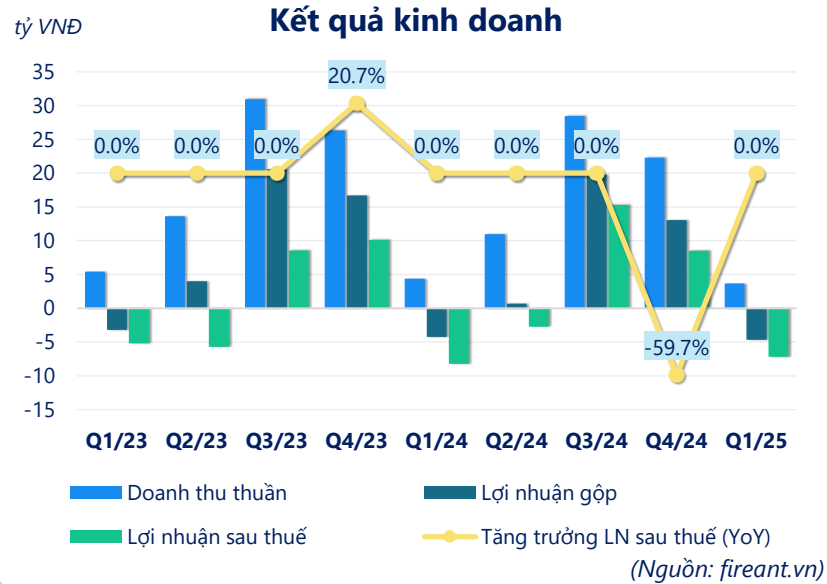


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,780
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,707
SL cổ phiếu LH		20,352,836
KLGD BQ 20 phiên (CP)		425
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		199
P/E		14.3
EPS		683

	YTD	1T	3T	6T
SMA	-29.1%	-17.1%	-29.1%	-5.5%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	412	430	-4.2%
Tài sản ngắn hạn	88.1	105	-16.1%
Tiền và tương đương tiền	13.0	26.4	-50.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	73.5	77.3	-4.9%
Hàng tồn kho	1.45	1.22	18.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.22	0.15	41.3%
Tài sản dài hạn	324	325	-0.3%
Phải thu dài hạn	5.01	0.01	50000%
Tài sản cố định	318	324	-1.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.28	1.10	16.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	179	190	-5.6%
Nợ ngắn hạn	1.83	32.5	-94.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	27.0	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.06	0.09	-33.7%
Nợ dài hạn	177	157	12.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	177	157	12.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	233	240	-3.0%
Vốn chủ sở hữu	233	240	-3.0%
Vốn điều lệ	204	204	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	4.40	11.0	28.5	22.3	3.67
Giá vốn hàng bán	8.65	10.3	8.67	9.25	8.32
Lợi nhuận gộp	-4.26	0.68	19.8	13.0	-4.65
Doanh thu HĐTC	1.59	2.15	1.75	1.76	1.82
Chi phí TC	4.61	4.54	4.65	3.94	3.68
Chi phí lãi vay	4.61	4.54	4.65	3.94	3.68
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.92	0.88	0.48	0.54	0.45
LN thuần từ HĐKD	-8.20	-2.60	16.4	10.3	-6.96
Lợi nhuận khác	0	0	0	-0.26	-0.22
LN trước thuế	-8.20	-2.60	16.4	10.1	-7.17
Lợi nhuận sau thuế	-8.20	-2.74	15.3	8.52	-7.17
LNST của CĐ cty mẹ	-8.20	-2.74	15.3	8.52	-7.17

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.00	-1.93	14.2	20.6	-3.15
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.47	9.40	2.62	-1.14	-3.21
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.50	-1.50	-5.00	-20.0	-7.03
Tiền đầu kỳ	18.1	9.12	15.1	26.9	26.4
Lưu chuyển tiền thuần	-9.03	5.97	11.8	-0.52	-13.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	9.12	15.1	26.9	26.4	13.0

(Nguồn: fireant.vn)